

A. KẾT QUẢ TRUNG BÌNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

| PHƯƠNG THỨC THÔNG QUAN TRÁC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC |                                                |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|------|----------------------------|----------------------------|---------------------------|---------------|---------------|----------------|-----------------|------------------|---------------|--------------|------------------------|---------|
| Ca                                            | Kết quả                                        | pH   | NH4 <sup>+</sup><br>(mg/l) | Lưu<br>lượng vào<br>(m3/h) | Lưu<br>lượng ra<br>(m3/h) | COD<br>(mg/l) | TSS<br>(mg/l) | Màu<br>(Pt-Co) | Cl dư<br>(mg/l) | Nhiệt độ<br>(°C) | BOD<br>(mg/l) | DO<br>(mg/l) | Ký và ghi rõ<br>họ tên | Ghi chú |
|                                               |                                                | 6-9  | ≤ 4,95                     | -                          | -                         | ≤ 74,25       | ≤ 49,5        | ≤ 49,5         | ≤ 0,99          | ≤ 40             | ≤ 29,7        | -            |                        |         |
| êm                                            | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,35 | 1,45                       | 843                        | 935                       | 53,2          | 20,6          | 18,9           | 0,17            | 34,1             | 17,6          | 1,38         |                        |         |
|                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
|                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| ing<br>B                                      | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,3  | 1,44                       | 831                        | 853                       | 53,4          | 20,3          | 19,2           | 0,18            | 34,4             | 17,6          | 1,37         |                        |         |
|                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
|                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| niều<br>C                                     | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,3  | 1,41                       | 830                        | 871                       | 52,9          | 20,1          | 17,7           | 0,18            | 34,5             | 17,5          | 1,36         |                        |         |
|                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
|                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| Giá trị trung bình ngày:                      |                                                | 6,3  | 1,40                       | 829                        | 868                       | 53            | 20,1          | 17,6           | 0,18            | 34,5             | 17,5          | 1,35         |                        |         |
| Ghi chú: "-": Không quy định                  |                                                |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |

- Giá trị trung bình ngày: Là giá trị trung bình ngày tính từ 00 giờ đến 24h.

- Giá trị trung bình trong ca: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến khi hết ca làm việc.

- Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến thời điểm xảy ra sự cố.

Quy định mức phạt khi thông số khí thải vượt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: Theo Điều 6, Điều 20 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của